TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** TỈNH CAO BẰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 33/2020/QĐST-HNGĐ	*Hòa An, ngày 29 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị T; sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Xóm 5, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- Bị đơn: Anh Hà Văn Nhất; sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Xóm B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hứa Thị T và anh Hà Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị T và anh Hà Văn N nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hứa Thị T và anh Hà Văn N về việc sau khi ly hôn anh N sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con chung là cháu Hà Phương T, sinh ngày 02/11/2005 đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu chị T lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị T.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh N cùng thống Nchị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh N cùng thừa nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có vay nợ chung.

- Về án phí: Chị T và anh N mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước cho việc thuận tình ly hôn. Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự bao gồm cả phần của anh N với tổng số tiền là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0001421 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Nay chị T được hoàn lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- CCTHADS huyện Hoà An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã C, TP C, Cao Bằng;
- Lưu án văn;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lục Thanh Hải